TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 78/2025/HS-PT
Ngày 05/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Đăng Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 14/2025/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Đặng Quang T và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Đặng Quang T, sinh năm 1990 tại Quảng Bình; Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình); Nơi ở hiện tại: Số C đường số A, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số C đường số A, khu phố B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học phổ thông: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Quang D và con bà Nguyễn Thị T1; Gia đình có 02 anh em, bị cáo thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 57/2012/HSST ngày 09/7/2012, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản.

- Tại Bản án số 05/2014/HSST ngày 15/01/2014, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 17/11/2023 tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (có mặt).

2. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989 tại Quảng Bình; Nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là tổ dân phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình); Nơi ở hiện tại: thôn T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn T, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học phổ thông: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn C và con bà Phạm Thị H; Gia đình có 04 anh em, bị cáo thứ ba; Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án số 96/2017/HSPT ngày 21/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với Bản án số 47/2017/HSPT ngày 10/7/2017, buộc chấp hành hình phạt chung là 10 năm tù.

Nhân thân:

- Bản án số 97/2006/HSST ngày 30/11/2006, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội Cưỡng đoạt tài sản và Cố ý làm hư hỏng tài sản;

- Bản án số 33/2009/HSPT ngày 22/4/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp với Bản án số 97/2006/HSST ngày 30/11/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, buộc chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng tù.

- Bản án số 47/2017/HSPT ngày 10/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 17/11/2023 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (có mặt).

3. Trần Viết T3, sinh năm 1989 tại Quảng Bình; Nơi thường trú: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là tổ dân phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình); Nơi ở hiện tại: P601, số C ngõ E L, phường T, Thành phố Hà Nội (trước đây là P601, số C ngõ E L, phường P, quận N, Thành phố Hà Nội); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học phổ thông: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đình C1 và con bà Nguyễn Thị X; Gia đình có 02 chị em, bị cáo thứ hai; Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 50/2021/HSST ngày 13/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

- Tại bản án số 29/2008/HSST ngày 28/4/2008, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại bản án số 72/2008/HSST ngày 12/9/2008, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 29/2008/HSST ngày 28/4/2008, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, buộc chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù.

- Tại bản án số 47/2012/HSST ngày 20/6/2012, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại bản án số 34/2014/HSST ngày 24/6/2014, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại bản án số 28/2018/HSST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 15/11/2023; tạm giữ, tạm giam từ 16/11/2023 tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (có mặt).

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:*** **Nguyễn Viết D1,** sinh năm 1997 tại Quảng Ngãi; Nơi thường trú và nơi ở: Thôn A, xã V, tỉnh Quảng Ngãi (trước đây là thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học phổ thông: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Viết L và con bà Phan Thị B; Gia đình có 05 anh em, bị cáo thứ năm; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 01/7/2023 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H (có mặt).

**** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quang T***: Luật sư Nguyễn Ngọc K - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A, ngõ B phố H, phường B, thành phố Hà Nội (có mặt).

**** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2, Trần Viết T3, Nguyễn Viết D1 do Tòa án chỉ định:***

Luật sư Đinh Thị Kim T4 - Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2 (có mặt).

Luật sư Lê Thị Hải Y - Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo Trần Viết T3, Nguyễn Viết D1 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Vụ thứ nhất:** Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Viết D1 và bị cáo Đặng Quang T:

Hồi 17 giờ 45 phút ngày 01 tháng 7 năm 2023, tại sảnh A tòa S khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H phối hợp Công an xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội phát hiện bắt quả tang bị cáo Nguyễn Viết D1 đang Vận chuyển trái phép chất ma tuý.

Vật chứng thu giữ: 02 thùng cát tông kích thước khoảng 40x50x60cm bên trong chứa 32 hộp giấy có chữ BelBake, phía sau hộp có đánh dấu mực xanh ở chữ "RO", bên trong có 32 túi nilon đều chứa tinh thể màu trắng.

Tại Bản kết luận giám định số: 4567/KL-KTHS ngày 08/7/2023 của Phòng K2 - Công an Thành phố H kết luận: *Tinh thể màu trắng bên trong 32 túi nilon (để trong 32 hộp giấy có chữ BelBake) đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng 15.542,06 gam.*

Đấu tranh với bị cáo Nguyễn Viết D1, bị cáo khai nhận 02 thùng cát tông bên trong chứa ma túy là của bị cáo Đặng Quang T thuê bị cáo D1 nhận với giá 50.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Viết D1 và bị cáo Đặng Quang T như sau:

Cuối năm 2022, khi bị cáo Nguyễn Viết D1 sinh sống, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên quen biết với bị cáo Đặng Quang T. Bị cáo D1 sử dụng số điện thoại 0962378152, bị cáo T sử dụng các số điện thoại 0984069009, bị cáo D1 lưu tên là "A Tý" trên các ứng dụng Zalo, Facebook; số điện thoại 0934561780 lưu tên "Bin zzzzz" trên ứng dụng Telegram để liên hệ với bị cáo D1. Bị cáo T chủ yếu liên hệ với bị cáo D1 qua ứng dụng Telegram bằng số điện thoại 0934561780. Đầu năm 2023 bị cáo D1 có nhiều lần vay tiền của bị cáo T để phục vụ chi tiêu sinh hoạt cá nhân. Đầu tháng 4/2023, bị cáo T nói có nguồn ma túy gửi từ nước ngoài về Việt Nam qua dịch vụ chuyển phát và đặt vấn đề thuê bị cáo D1 ra Hà Nội nhận các thùng hàng bên trong có ma túy sau đó chuyển cho khách theo sự chỉ đạo của bị cáo T, tiền công 50.000.000 đồng/chuyến, bị cáo D1 đồng ý. Bị cáo T bảo bị cáo D1 ra Hà Nội, thuê nhà tại khu đô thị V để làm địa điểm nhận các đơn hàng gửi về, tiền thuê nhà do bị cáo T thanh toán. Trước khi ra Hà Nội, bị cáo T đưa cho bị cáo D1 01 điện thoại Vivo màu xanh lắp sim điện thoại số thuê bao 0903253196 để liên hệ nhận các thùng hàng từ nhân viên chuyển phát. Ngày 17/4/2023 bị cáo T chuyển số tiền 24.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 04101017700285 mang tên Đặng Quang T tại Ngân hàng thương mại Cổ phần H3 vào tài khoản số 1021697755 tại Ngân hàng thương mại cổ phần N của bị cáo Nguyễn Viết D1 để thanh toán tiền thuê nhà và tiền sinh hoạt cá nhân. Sau đó, bị cáo D1 thuê Căn hộ 2501 - Tòa S2.09 - Chung cư V, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội của anh Đặng Văn T5, sinh năm 1975 trú tại thôn L, xã D, huyện T, Hải

Dương với giá 5.500.000đ/1 tháng, đặt cọc 5.500.000 đồng, thanh toán tiền thuê nhà 3 tháng 1 lần, thời hạn thuê 01 năm, sau khi ký hợp đồng bị cáo D1 đã thanh toán 22.000.000 đồng tiền thuê căn hộ và tiền đặt cọc gồm 19.000.000 đồng chuyển khoản vào số tài khoản 0341006825011 mang tên Nguyễn Thị H1 ghi trong hợp đồng và trả 3.000.000 đồng tiền mặt. Từ ngày 18/04/2023 đến ngày 01/7/2023, bị cáo D1 đã 5 lần nhận hàng từ nhân viên chuyển phát mỗi chuyến 02 thùng cát tông dán kín. 05 lần đầu bên trong đều là bột mì, bỉm… không có ma túy với mục đích để kiểm tra sự phát hiện của cơ quan chức năng tại Việt Nam. Sau khi nhận các thùng hàng bị cáo D1 đều mang để tại Căn hộ B - Tòa S2.09 Vinhome O.

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 01/7/2023, bị cáo T gọi cho bị cáo D1 qua ứng dụng Telegram tên "Bin zzzzz" bảo chuẩn bị nhận 02 thùng cát tông từ nhân viên chuyển phát và bên trong 02 thùng hàng có giấu ma túy nhưng không nói rõ số lượng là bao nhiêu. Đến khoảng 17 giờ 00 phút, có nhân viên chuyển phát gọi điện cho bị cáo D1 bảo xuống sảnh A, tòa S2.09 - Vinhome Ocean P nhận 02 thùng hàng. Khoảng 30 phút sau, bị cáo D1 xuống sảnh A, tòa S2.09 chung cư Vinhome Ocean P nhận 02 thùng cát tông dán kín và mang vào trong sảnh A tòa S2.09 đi thang máy thì bị phát hiện bắt quả tang.

Kết quả thu giữ điện tín đối với số thuê bao 0984069009 mang tên Đặng Quang T, sinh ngày 01/5/1990 trú tại xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Số thuê bao 0962378152, 0934561780 đều mang tên Nguyễn Viết D1, sinh năm 1997 trú tại xã B, huyện B, Quảng Ngãi. Bị cáo Nguyễn Viết D1 khai chỉ đăng ký và sử dụng số thuê bao 0962378152, số thuê bao 0934561780 do bị cáo Đặng Quang T sử dụng, không giải thích được tại sao số thuê bao 0934561780 lại mang tên Nguyễn Viết D1 trên thông tin chủ thuê bao.

Căn cứ bản kê chi tiết lịch sử liên lạc số thuê bao 0962378152 do bị cáo Nguyễn Viết D1 sử dụng xác định từ ngày 07/6/2023 đến ngày 01/7/2023 đã nhiều lần liên lạc với số thuê bao 0984069009 do bị cáo Đặng Quang T sử dụng, vị trí cột sóng của các số thuê bao là tại Hà Nội và quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng S mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần H3; số 19039332796011, 2025777779 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K3 đều mang tên Đặng Quang T. Số tài khoản số 1021697755 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N mang tên Nguyễn Viết D1. Căn cứ sao kê tài khoản số 1021697755 mang tên Nguyễn Viết D1 xác định ngày 17/4/2023 nhận 24.000.000 đồng từ tài khoản số 04101017700285 mang tên Đặng Quang T.

*** Vụ thứ 2**: Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của các bị cáo Trần Viết T3, Nguyễn Văn T2 và Đặng Quang T:

Các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 quen biết nhau khi cùng chấp hành án tại Trại giam Đ2, tỉnh Quảng Bình. Sau khi ra trại bị cáo T2 và bị cáo T kết bạn, liên lạc với nhau qua mạng xã hội. Bị cáo T2 sử dụng số điện thoại 0833736736, tài khoản facebook "Tuyến Nguyễn", telegram "Hạ An". Bị cáo T sử dụng số điện thoại 0936456793 và 0984069009, tài khoản facebook "Đặng Quang T", telegram "Lucky". Bị cáo T3 sử dụng số điện thoại 0947897833 và 0879502568, tài khoản facebook "T", telegram "Cu xin". Đến cuối tháng 10/2023, bị cáo T sử dụng tài khoản Facebook tên "Đặng Quang T" trao đổi nhờ bị cáo T2 nhận hàng là các bộ đồ tập thể hình gửi từ nước ngoài chuyển về cho bị cáo T. Bị cáo T2 đồng ý và nói với bị cáo T là có bị cáo Trần Viết T3 đang làm việc tại nhà xe C2 ở Hà Nội nên bảo bị cáo T gửi hàng về Hà Nội để bị cáo T3 nhận. Đến ngày 20/10/2023, bị cáo T gửi 03 thùng cát tông bên ngoài có hình ảnh của bộ ghế tập tạ về địa chỉ 66 N, M, T, Thành phố Hà Nội cho bị cáo T3. Sau khi nhận hàng bị cáo T thông báo thông tin người nhận cho bị cáo T2, bị cáo T2 đã chỉ đạo bị cáo T3 đặt chuyển hàng đi cho người nhận. Sau khi vận chuyển thành công chuyến hàng đầu tiên, bị cáo T đã nói cho bị cáo T2 biết bên trong 03 thùng cát tông là bộ ghế tập tạ có cất giấu ma túy nên trả công cho T2 40.000.000 đồng. Bị cáo T2 đã nói lại cho bị cáo T3 biết hàng bị cáo T3 vừa đặt chuyển hàng bên trong có chứa ma túy và trả công cho bị cáo T3 20.000.000 đồng.

Đến ngày 09/11/2023, bị cáo T bảo bị cáo T2 nói với bị cáo T3 đến địa chỉ số C ngõ E L, phường P, quận N, Thành phố Hà Nội để ký Hợp đồng thuê nhà và chuyển khoản cho bị cáo T2 số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 0833736736 mang tên Nguyễn Văn T2 để bị cáo T2 thanh toán tiền thuê nhà và để bị cáo T3 chi tiêu sinh hoạt. Bị cáo T3 đã đến thuê Phòng 601 tại địa chỉ số C ngõ E L của anh Huỳnh Quang V1, sinh năm 1997, nơi cư trú số D ngách B H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội với giá 4.000.000 đồng/1 tháng. Ngày 10/11/2023, bị cáo T gọi điện qua mạng xã hội cho bị cáo T2 bảo sắp có một chuyến ma túy ketamine gửi về Hà Nội, bị cáo T bảo chuyến này nhiều hơn chuyến trước nên sẽ trả công cao hơn, sau đó bị cáo T2 báo với bị cáo Trần Viết T3 để bị cáo T3 để nhận hàng. Khoảng 14 giờ ngày 14/11/2023, bị cáo T trực tiếp liên lạc với công ty C3 yêu cầu chuyển hàng về địa chỉ 5 L, P, N, Thành phố Hà Nội và thông báo cho bị cáo T2 để bị cáo T2 bảo bị cáo T3 nhận hàng. Khi bị cáo T3 xuống không nhìn thấy xe giao hàng nên đã gọi lại cho bị cáo T2, bị cáo T2 liên lạc với bị cáo T để lấy số điện thoại 0859101188 của người giao hàng chuyển cho bị cáo T3. Khi bị cáo T3 vừa nhận 05 thùng hàng bên trong chứa ma túy thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt quả tang.

Tại bản Kết luận giám định số: 7667/KL-KTHS ngày 24/11/2023 của Phòng K2 - Công an Thành phố H kết luận: *Tinh thể màu trắng bên trong 59 gói*

nilon (bên ngoài mỗi gói đều được quấn giấy bạc) đều là ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng: 7457,37 gam.

Tiến hành thu giữ điện tín đối với các số thuê bao 0984069009, 0936456793 (Đặng Quang T sử dụng); 0833736736, 0947897833, 0879502568, 0745419345 xác định: Số thuê bao 0984069009 có thông tin chủ thuê bao là Đặng Quang T, số thuê bao 0936456793 có thông tin chủ thuê bao là Nguyễn Huỳnh Thanh A, sinh năm 1998, địa chỉ phường H, thị xã B, Bình Phước. Bị cáo T khai sử dụng số thuê bao này khoảng 3 tháng trước ngày bị bắt. Các số điện thoại bị cáo Đặng Quang T sử dụng đều có các thông tin cuộc gọi liên lạc, tin nhắn giữa các bị can liên quan đến vận chuyển trái phép chất ma túy, có liên lạc đến Công ty V2 vào ngày 14/11/2023.

Sao kê tài khoản ngân hàng số 0833736736 của Nguyễn Văn T2 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q xác định từ ngày 01/10/2023 đến ngày 14/11/2023 bị cáo Đặng Quang T chuyển khoản 61.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy, tiền thuê nhà và sinh hoạt phí cho bị cáo Nguyễn Văn T2.

Sao kê tài khoản ngân hàng số 0947897833 của Trần Viết T3 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ3 xác định từ ngày 01/10/2023 đến ngày 21/11/2023 bị cáo Nguyễn Văn T2 chuyển khoản 20.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy và 11.450.000 đồng tiền sinh hoạt phí cho bị cáo Trần Viết T3.

*** Về thông tin người gửi hàng:**

Tại Biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo Đặng Quang T thể hiện thông tin người gửi: Họ và tên Phan Thị Thùy D2, sinh ngày 20/5/1994 tại Quảng Bình, số hộ chiếu K0028382, nơi cấp Béc Lin, Đ, địa chỉ 16 R de Bérat 31600 lherm. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Cục Q1 - Bộ C4 xác định Phan Thị Thùy D2, sinh ngày 20/5/1994. CMND số 194516531, lần cuối xuất cảnh ngày 30/12/2018 qua cửa khẩu T11 bảng hộ chiếu số B3795440, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tiến hành xác minh tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình xác định có Phan Thị Thùy D2, sinh ngày 20/5/1994 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện D2 không có mặt tại địa phương. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1972, nơi cư trú thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình là mẹ của Phan Thị Thùy D2 xác định D2 đi xuất khẩu lao động từ năm 2019, hiện đang sinh sống và định cư tại Cộng hòa liên bang Đ. Từ ngày D2 đi xuất khẩu lao động D2 chưa về Việt Nam.

Tài liệu cơ quan điều tra thu giữ được thể hiện 05 thùng cát tông bên trong là bộ đồ phụ kiện của bộ G tập tạ có cất giấu ma túy được gửi từ Pháp về Việt Nam. Vận đơn số Mawb: 235-40976261; vận đơn Hawb: FR23016061. Người gửi: LUCIARDI PHUONG CHI, địa chỉ: 1 Rue des M1 (FR). Cơ quan điều tra đã gửi Công văn đề nghị Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra (C01) - Bộ C4, Vụ

Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự của N1 ủy thác cho Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp phối hợp xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả.

*** Về vật chứng, đồ vật, tài sản đã tạm giữ:**

Quá trình điều tra, Cơ quan điều ta đã tạm giữ của bị cáo Đặng Quang T: 01 điện thoại di động Iphone màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím; 01 túi đeo chéo màu đen; 01 căn cước công dân số 044090003154 mang tên Đặng Quang T; 01 căn cước công dân số 072091039179 mang tên Lê Trung T7. Đối với căn cước công dân số 072091039179 mang tên Lê Trung T7, sinh ngày 01/01/1991, nơi thường trú 386 H, H, thị xã H, Tây Ninh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định tại địa chỉ trên, kết quả không có Lê Trung T7, sinh ngày 01/01/1991 đăng ký thường trú hoặc sinh sống tại đây; không có thông tin dữ liệu về căn cước công dân số 072091039179. Trưng cầu giám định tài liệu đối với chiếc căn cước công dân trên.

Tại bản Kết luận giám định số: 3051/KL-KTHS ngày 02/5/2024, Phòng K2 - Công an Thành phố H kết luận: "*Căn cước công dân số: 072091039179 là căn cước công dân giả"*.

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T2: 01 điện thoại di động Samsung màu xanh;

Tạm giữ của bị cáo Trần Viết T3: 01 điện thoại di động ViVo màu xanh đen;

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Viết D1: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, 01 điện thoại di động Vivo màu xanh (bị cáo Đặng Quang T đưa cho bị cáo Nguyễn Viết D1 sử dụng), 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Viết D1 và 500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo Đặng Quang T quá trình điều tra ban đầu không khai nhận hành vi thuê bị cáo Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 vận chuyển trái phép chất ma túy, tuy nhiên quá trình điều tra bổ sung, bị cáo Đặng Quang T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3. Ngoài ra, bị cáo T khai nhận vận chuyển ma túy thuê cho đối tượng X1 quê ở Quảng Bình, X1 sử dụng mạng xã hội Facebook "Mộc Hòa" và "Sofia Cát T8".

Kết quả điều tra về đối tượng X1 và các đối tượng liên quan xác định:

Về nhân thân đối tượng tên X1: Có họ tên đầy đủ là Nguyễn Thị Lan H1, sinh năm 1991, nơi thường trú tổ dân phố số D, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện tại H1 đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ.

Xác minh tại thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình xác định Nguyễn Thị Lan H1, sinh ngày 19/6/1991, quê quán S, L, tỉnh Quảng Bình, số căn cước công dân 044191001521, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số D, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; con ông Nguyễn Minh T9, con bà Võ Thị Đ1. Quá trình sinh sống tại địa phương H1 không có hành vi vi phạm pháp luật gì, chưa có tiền án, tiền sự. Nguyễn Thị Lan H1 đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến nay chưa về, H1 đi đâu, làm gì không thông báo nên chính quyền địa phương không nắm được.

Cơ quan điều tra thu thập ảnh của Nguyễn Thị Lan H1 và tiến hành cho bị cáo Đặng Quang T nhận dạng, bị cáo Đặng Quang T đã nhận ra Nguyễn Thị Lan H1 chính là đối tượng tên X1, người thuê bị cáo T nhận ma túy từ Đ gửi về Việt Nam tiêu thụ qua đường hàng không, mỗi chuyến H1 trả công cho bị cáo T 100.000.000 đồng.

Xác minh tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an Thành phố H xác định Nguyễn Thị Lan H1 đã được cấp hộ chiếu số C5746942 và sử dụng hộ chiếu để xuất cảnh. Ngày xuất cảnh: 11/9/2019, cửa xuất cảnh: Sân bay Quốc tế N, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh.

Xác minh nhân thân Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989, nơi thường trú tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là bạn học với bị cáo Đặng Quang T. Số tài khoản 0311000743217 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (V3) được Nguyễn Thị H2 sử dụng từ năm 2020 đến nay. Nguyễn Thị H2 khai phù hợp với lời khai của bị cáo Đặng Quang T về việc bị cáo T nhờ H2 nhận và chuyển tiền hộ. Sau khi nhận được tiền H2 đều chuyển khoản luôn đến các tài khoản khác theo yêu cầu của bị cáo T, H2 không biết và không liên quan gì đến việc vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo Đặng Quang T.

Sao kê giao dịch tài chính đối với số tài khoản 0311000743217 của Nguyễn Thị Hồng M tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (V3) thể hiện trong thời gian từ ngày 01/8/2023 đến ngày 14/11/2023, tài khoản của Nguyễn Thị H2 đã nhận và chuyển đi các tài khoản khác nhau với tổng số tiền là 3.807.000.000 đồng. H2 giải trình số tiền trên là tiền H2 đã nhận cho bị cáo Đặng Quang T và H2 đã chuyển khoản đi cho người khác theo yêu cầu của bị cáo T, trong đó H2 chuyển khoản 1.354.300.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của bị cáo Đặng Quang T.

Bị cáo Đặng Quang T khai toàn bộ số tiền đã chuyển đến tài khoản ngân hàng của H2 đều là tiền của X1 (Nguyễn Thị Lan H1). Xíu nhờ bị cáo T nhận hộ và chuyển đi cho người của X1, tiền công bị cáo T vận chuyển ma túy bị cáo T tự lấy trong các khoản Xíu đã nhờ bị cáo T chuyển. Xíu không nói cho bị cáo T biết cụ thể các khoản tiền là tiền gì nhưng bị cáo T biết các khoản tiền của X1 đều là tiền liên quan đến việc mua bán ma túy. Đối với các khoản tiền H2 chuyển đến

tài khoản ngân hàng của bị cáo T là do X1 yêu cầu bị cáo T đưa tiền mặt cho người của X1 nên bị cáo T đã bảo H2 chuyển đến tài khoản ngân hàng của bị cáo T để bị cáo T rút tiền mặt.

Xác minh số tài khoản 1024774890 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (V3) xác định chủ tài khoản mang tên Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 08/10/1983 trú tại L, L, tỉnh Quảng Bình, số chứng minh nhân dân 194235421.

- Tại bản sao kê giao dịch tài chính đối với số tài khoản trên thể hiện:

+ Ngày 23/10/2023, bị cáo Đặng Quang T đã giao dịch chuyển khoản đến với số tiền là 570.000.000 đồng với nội dung: "DANG QUANG TOAN CHUYEN TIEN NHA".

+ Ngày 07/11/2023, Nguyễn Thị H2 đã giao dịch chuyển khoản đến với số tiền là 308.000.000 đồng với nội dung: "NGUYEN THI HONG chuyen tien".

Bị cáo Đặng Quang T khai số tiền trên là tiền của X1 đã bảo bị cáo T chuyển đến tài khoản của Nguyễn Quốc K1, bị cáo T không biết K1 là ai và không biết tiền X1 chuyển cho K1 là tiền gì.

Nguyễn Quốc K1 khai nhận các khoản tiền trên là của em gái Nguyễn Thị Lan H1, sinh năm 1991, nơi thường trú tổ dân phố số D, thị trấn N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện tại H1 đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ, H1 đã nhờ K1 nhận hộ, K1 không biết là tiền gì, do thời gian đã lâu nên K1 không nhớ sau khi nhận tiền K1 đã rút tiền mặt hay chuyển cho người khác. K1 không biết bị cáo Đặng Quang T là ai, không tham gia gì vào việc mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy.

Cáo trạng số: 104/CT-VKSHN-P1 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2, Trần Viết T3 và Nguyễn Viết D1 tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" theo điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

I. Tuyên bố:

Các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy";

1. Áp dụng: Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 40; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Đặng Quang T Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng: Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 40; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Viết D1 Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng: Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 40; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T2 Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng: Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 40; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Trần Viết T3 Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/5/2025, bị cáo Đặng Quang T và bị cáo Trần Viết T3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/5/2025, bị cáo Nguyễn Văn T2 và bị cáo Nguyễn Viết D1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/6/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử vụ án theo hướng giảm hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Viết D1 từ hình phạt tử hình xuống hình phạt tù chung thân.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2, Trần Viết T3, Nguyễn Viết D1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Bị cáo Đặng Quang T trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên mức hình phạt đúng với hành vi của bị cáo tuy nhiên bị cáo trong quá trình tạm giam thì đã hối hận, ăn năn hối cải và tích cực khai báo, hợp tác với cơ quan điều tra, bị cáo còn con nhỏ mới sinh, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố bị cáo đau ốm nên không còn sức lao động. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Viết T3 trình bày: Thưa Hội đồng xét xử gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo có mẹ già, đi làm ăn xa, mẹ ở nhà một mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo mức án thấp hơn tòa sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo Nguyễn Văn T2 trình bày: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo Nguyễn Viết D1: Tòa sơ thẩm xét xử bị cáo xử về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 4 Điều 250 là đúng người, đúng tội, không oan. Bố bị cáo có công với cách mạng, bị cáo từng đi nghĩa vụ quân sự; bố bị cáo đã mất, mẹ già, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt từ tử hình xuống chung thân.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày:

**** Luật sư K:*** Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì thêm. Luật sư chỉ bổ sung căn cứ pháp lý là điểm b khoản 1 Điều 4 Luật số 86 sửa đổi, bôt sung một số điều của Bộ luật Hình sự quy định về điều khoản chuyển tiếp, áp dụng có lợi cho các bị cáo.

**** Luật sư T4:*** Thưa Hội đồng xét xử, tôi nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

**** Luật sư Y:*** Thưa Hội đồng xét xử, tôi nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và các luật sư đồng nghiệp. Áp dụng điều khoản chuyển tiếp để có lợi hơn cho các bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật, về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ vào Điều 331, 332, 333, 336, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát theo luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Theo quy định của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, tại khoản 4 Điều 250 giảm còn phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển hình phạt đối với các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2, Trần Viết Thành T3, Nguyễn Viết D1 từ tử hình xuống chung thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng đều không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, điều tra viên và kiểm sát viên đã thực hiện trong vụ án về

thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp và đúng pháp luật.

Kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát trong hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2, Trần Viết T3 và Nguyễn Viết D1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức vận chuyển, giao nhận ma túy, phù hợp vật chứng thu giữ, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/7/2023 và ngày 14/11/2023, bị cáo Đặng Quang T có hành vi 02 lần thuê các bị cáo Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 vận chuyển trái phép chất ma túy loại Ketamine, cụ thể:

- Ngày 01/7/2023, bị cáo Đặng Quang T thuê bị cáo Nguyễn Viết D1 vận chuyển 15.542,06 gam Ketamine tại sảnh A, Tòa S2.09 Vinhome O thuộc xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội với tiền công là 50.000.000 đồng.

- Ngày 14/11/2023, bị cáo Đặng Quang T thuê bị cáo Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 vận chuyển 7.457,37 gam Ketamine tại số E L, phường P, quận N, Thành phố Hà Nội. Bị cáo T chưa thỏa thuận cụ thể về tiền công vận chuyển với bị cáo T2 và bị cáo T3.

Các bị cáo vừa nhận ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang nên các bị cáo Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 chưa được hưởng tiền công vận chuyển ma túy do bị cáo Đặng Quang T trả.

Như vậy, khối lượng ma túy bị cáo Đặng Quang T phải chịu trách nhiệm hình sự là 22.999,43 gam Ketamine;

Khối lượng ma túy bị cáo Nguyễn Văn T2 và bị cáo Trần Viết T3 phải chịu trách nhiệm hình sự là 7.457,37 gam Ketamine;

Khối lượng ma túy bị cáo Nguyễn Viết D1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 15.542,06 gam Ketamine.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn mà còn tiếp tay cho các đối tượng nghiện ma túy, góp phần làm gia tăng các loại tội phạm và tệ nạn trong xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của ma túy đối với đời sống xã hội và quy định của Nhà nước là nghiêm cấm mọi hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, chứa chấp, sử dụng các chất ma túy nhưng các bị cáo coi thường pháp luật, do không có việc làm, thu nhập, hám lợi nên các bị cáo đã cố ý phạm tội.

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Viết D1 tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, không tiền án, tiền sự. Đó là tình tiết để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, số ma túy các bị cáo vận chuyển và chịu trách nhiệm hình sự là đặc biệt lớn, nhân thân bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 đã nhiều lần bị đưa ra xét xử; bị cáo Đặng Quang T phạm tội nhiều lần; lần phạm tội này của bị cáo Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Do đó đã xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc nhất là loại bỏ vĩnh viễn các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ tác dụng trừng phạt các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình được các tình tiết giảm nhẹ nào mới. Lời nói sau cùng các bị cáo biết hành vi của mình là sai và ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo, sửa sai.

Tuy nhiên, do thay đổi chính sách pháp luật. Cụ thể theo quy định tại: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/20025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội; Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, theo đó điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự quy định: "4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân: e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên; Điều 4 quy định điều khoản chuyển tiếp: "1. Kể từ ngày 01/7/2025, Luật này được áp dụng như sau: b) Quy định có lợi cho người phạm tội tại các điều 250... của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13... được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 của Luật này... có lợi cho người phạm tội... thì áp dụng…". Bị cáo Đặng Quang T phải chịu trách nhiệm hình sự là 22.999,43 gam Ketamine; bị cáo Nguyễn Văn T2 và bị cáo Trần

Viết T3 phải chịu trách nhiệm hình sự là 7.457,37 gam Ketamine; bị cáo Nguyễn Viết D1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 15.542,06 gam Ketamine.

Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt; kháng nghị của Viện kiểm sát giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Viết D1.

[3] Đề nghị của vị đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn T2, Trần Viết T3, Nguyễn Viết D1; chấp nhận nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Viết D1, Nguyễn Văn T2 và Trần Viết T3 phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

1.1. Căn cứ Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 39; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 25/6/2025 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Đăng Quang T10 tù chung thân. Thời hạn tạm giam tính từ ngày 17/11/2023.

1.2. Căn cứ Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 39; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 25/6/2025 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết D1 tù chung thân. Thời hạn tạm giam tính từ ngày 16/11/2023.

1.3. Căn cứ Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 39; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 25/6/2025 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 tù chung thân. Thời hạn tạm giam tính từ ngày 01/7/2023. Truy thu số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

1.4. Căn cứ Điểm e khoản 4 Điều 250; Điều 39; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 25/6/2025 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Trần Viết T3 tù chung thân. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Truy thu số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà